



THỨ		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	
LỚP							
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY							
K7-VDTY P.304	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Sinh hoá DV (Quyên)	5	Sinh hoá DV (Quyên)	5
	Chiều	Sinh hoá DV (Quyên)	4				
K8-DVTY K9-DVTY	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	KTNPBT cho chó mèo (Phượng)	5	KTNPBT cho lợn (Hưng)	5
	Chiều	KTNPBT cho chó mèo (Phượng)	4				
P.201	Chiều						
K9-KTDN K8-KTDN P.302	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	THKT trong DNSX (Dung)	5	THKT trong DNSX (Dung)	5
	Chiều	Kiểm toán (Hoa)	4				

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY

TT62A1 P.104	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Kiểm dịch TV (Lịch)	4	Cây ăn quả (Hương)	4	Kiểm dịch TV (Lịch)	4	Cây ăn quả (Hương)	4
	Chiều	Cây ăn quả (Hương)	4								
TT63A1 P.201	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Hoá BVTV (Hương)	4	Giống cây trồng (Huế)	4	Khuyến nông (Thọ)	4	Côn trùng đại cương (Lịch)	4
	Chiều	Thủy nông (Bình)	3								
CNTY62A1 P.204	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Luật thú y (Ngà)	5	Kỹ sinh trùng thú y (Phượng)	5	KTNPBT cho chó mèo (Lê)	5	Ngoại sản (Hưng)	5
	Chiều	KT thú y và các SP khác (Duyên)	4								
CNTY62A3 P.205	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Quản trị kinh doanh (Thủy)	5	Quản trị kinh doanh (Thủy)	3	Ngoại sản (Vân)	5	Luật thú y (Ngà)	3
	Chiều	Ngoại sản (Vân)	4								
CNTY63A1 P.101	Sáng	Sinh hoạt lớp	1								
	Chiều	Sinh hoạt lớp	1								
CNTY63A3 P.102	Sáng	Sinh hoạt lớp	1								
	Chiều	Sinh hoạt lớp	1								

CNTV63A4 P.103	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	VSV - Truyền nhiệm (Duyên)	5	GDTC (Hội)	4	VSV - Truyền nhiệm (Duyên)	4	Dược lý thú y (Lê)	4
	Chiều	Tin học (Phuong)	4								
KTDN62A P.302	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	THKT trong DNSX (Dung)	5	Kế toán HCSN (P.Thảo)	5	THKT trong DNSX (Dung)	5	Kế toán HCSN (P.Thảo)	5
	Chiều	Kiểm toán (Hoa)	4								
KTDN62B	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Kiểm toán (Mai)	4	THKT trong DNSX (Dung)	4	Lượt kinh tế (Nga)	4	Kế toán HCSN (Thảo)	4
	Chiều	Kế toán HCSN (Thảo)	4								
KTDN63A P.305	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp	1			Phân tích HĐKD (H.Nga)	4	Tài chính DN (Thủy)	4	Lý thuyết KT (P.Thảo)	4
KTDN63B	Sáng	Lý thuyết KT (P.Thảo)	3								
	Chiều	Sinh hoạt lớp	1	Lý thuyết KT (Thảo)	4	Lý thuyết KT (Thảo)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Soạn thảo VB (Mai)	4
CNTT62A P.THTH	Sáng	Tài chính DN (Dung)	4								
	Chiều										
CNTT63A1 P.203	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Xử lý ảnh với Corel ... (Quang)	5	SD các thiết bị VP (Trưởng)	5	Xử lý ảnh với Corel ... (Quang)	5	SD các thiết bị VP (Trưởng)	5
	Chiều	QHTT Web và Mail.... (Hà)	4								
CNTT63A2 P.202	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp	1			Tổ chức QLDN (Thủy)	2	Cầu trúc MT (Hà)	4	Lập trình cơ bản (Thảo)	4
DCN62A P.A101	Sáng	Cầu trúc MT (Hà)	3								
	Chiều	Sinh hoạt lớp	1	KTDK tự động (Nga)	5	KTDK tự động (Nga)	5	KTDK tự động (Nga)	5	KTDK tự động (Nga)	5
DCN62B	Sáng	KTDK tự động (D.Đức)	4								
	Chiều										
DCN63A1 P.A102	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp	1			Tiếng anh (T.Nhung)	4	Đo lường điện (Dương)	4	Tiếng anh (T.Nhung)	4
DCN63A2 P.A301	Sáng	Tiếng anh (T.Nhung)	3								
	Chiều	Sinh hoạt lớp	1			Tiếng anh (Phiên)	4	Khi cụ điện (D.Đức)	4	Tiếng anh (Phiên)	4
		Tiếng anh (Phiên)	3								

ĐC N63A3 P.A302	Sáng							
	—	Sinh hoạt lớp Tiếng anh (Linh)	1 3					
ĐC N63B	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	An toàn điện (Hoà)	4	Đo lường điện (Dương)	4	An toàn điện (Hoà)
	Chiều		4					
TL62	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	KT nền móng (N.Đức)	4			
	Chiều	Máy đóng mở cửa van (Hoà)	4					
TL63B	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Cơ kỹ thuật (Huyền)	4	Trắc địa (N.Đức)	4	Cơ kỹ thuật (Huyền)
	Chiều	Trắc địa (N.Đức)	4					
CBTS 63	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	An toàn lao động (Liên)	4	CB đồ hộp TS (Năm)	4	An toàn lao động (Liên)
	Chiều	CB đồ hộp TS (Năm)	4					
KTMTT63	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Vật liệu máy TT (Bình)	4	MT và BVMT thủy (Ánh)	4	Cơ ứng dụng (N.Đức)
	Chiều	MT và BVMT thủy (Ánh)	4					
DKTB63	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Thông tin liên lạc hàng hải (Tiền)	4	Máy VTD hàng hải (Trung)	4	Thông tin liên lạc hàng hải (Tiền)
	—	Khai thác tàu biển (Đông)	4					
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN								
THỨ		Thứ 6			Thứ 7			Chủ nhật
LỚP								
TT62A2 P.305	Sáng			Sinh hoạt lớp	1	Khí tượng NN (Lịch)	4	Thủy nông (Bình)
	Chiều			Khí tượng NN (Lịch)	4			Thủy nông (Bình)
CN62A2 P.304	Sáng			Sinh hoạt lớp	1	Ngoại sản (Hung)	4	KT thịt và các sp khác (Lệ)
	Chiều			Ngoại sản (Hung)	4			Quản trị kinh doanh (Thủy)
TT63A2 P.303	Sáng	GDTC (Hội)	4	Sinh hoạt lớp	1	Chính trị (Quê)	4	Thủy nông (Bình)
	Chiều	Tin học (Thoa) (P. TH Tin học)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4			Thủy nông (Bình)
CN63A2 P.302	Sáng	GDTC (Hội)	4	Sinh hoạt lớp	1	Chính trị (Quê) (P303)	4	Giải phẫu sinh lý VN (Hàng)
	Chiều	Tin học (Thoa) (P. TH Tin học)	4	Tiếng anh (K.Nhung) (P.303)	4			Giải phẫu sinh lý VN (Hàng)

KTMTT62	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	BDSC thiết bị trên boong (Bình)	4
	Chiều		4	(Bình)	4
DKTB62	Sáng	Sinh hoạt lớp	4	BDSC thiết bị trên boong (Bình)	4
	Chiều		1	TACN hàng hải (Ly)	4
		Khi tượng hải dương (Tiền)	4		
		Khi tượng hải dương (Tiền)	4	Điều động tàu 2 (Trung)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lâm Thị Hương

THÀNH

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2023 - 2024
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 24: từ ngày 22/01/2024 đến ngày 28/01/2024

THỨ		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH61B P.104	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> Ngữ văn (H.Hà) 3	Hóa học (Vân) Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (H.Hà) Vật lý (Hoà) 2	Địa lý (Ngọc) GDCC (Tài) 2	Sinh học (Phượng) Hóa học (Vân) 2
VH62B1 P.204	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> Toán (Tú) 3	Toán (Tú) 4	Sinh học (Thủy) Hóa học (Hà) 2	GDKT và PL (Quyên) CDLC Hóa học (Hà) 2	Ngữ văn (H.Hà) 4
VH62B3 P.A101	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> Vật lý (Vân) 3	Sinh học (Phượng) GDKT và PL (Quế) 2	Toán (Tú) 4	Ngữ văn (L-Anh) 4	Địa lý (Nhài) 4
VH62B4	Chiều	Địa lý (Thủy) 4	Ngữ văn (Hàng) 4	Toán (Huân) 4	Vật lý (Vân) 4	<i>Sinh hoạt lớp</i> GDKT và PL (Quyên) 3
VH62B5 P.301	Chiều	Lịch sử (Giang) 4	Địa lý (Nhài) 4	GDKT và PL (Quyên) Sinh học (Thủy) 2	<i>Sinh hoạt lớp</i> Sinh học (Thủy) 2	Ngữ văn (Tâm) 3
VH63B4 P.103	— Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> Ngữ văn (Hường) 3		Địa lý (Nhài) 4	Hóa học (Hà) Lịch sử (Dự) 2	CDLC Ngữ văn (Hường) Ngữ văn (Hường) 2
VH63B1	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> Toán (Nhưng) 3	Ngữ văn (Hàng) 4	Hóa học (Vân) 4	Địa lý (Thủy) 4	GDKT và PL (Thủy) 4
VH63B2 P.101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Ngữ văn (Hường) 2	Địa lý (Sáu) Toán (Nhưng) 2	Sinh học (Thủy) CDLC Ngữ văn (Hường) 2	GDKT và PL (Quyên) Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Hường) Toán (Nhưng) 2
VH63B3 P.102	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Hóa học (Hà) 2	Toán (Nhưng) Địa lý (Sáu) 2	GDKT và PL (Quyên) Lịch sử (Dự) 2	Sinh học (Phượng) CDLC Ngữ văn (Hường) 2	Toán (Nhưng) Ngữ văn (Hường) 2
VH63B5 P.A102	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Hóa học (Vân) 2	Hóa học (Vân) GDKT và PL (Quế) 2	Địa lý (Nhài) 5	CDLC Địa lý (Nhài) 5	Ngữ văn (Tâm) 5

VH63B6 P.203	Sáng	Sinh hoạt lớp Vật lý (Hoà) Ngữ văn (H.Hà)	1 2 2	CDLC Ngữ văn (H.Hà) Hoá học (Hà)	3 2	Ngữ văn (H.Hà) Hoá học (Hà)	3 2	Địa lý (Chung) Vật lý (Hoà)	3 2	GDKT và PL (Quốc) Ngữ văn (H.Hà)	3 2
VH63B7 P.202	Sáng	Sinh hoạt lớp CDLC Lịch sử (Giang)	1 4	Toán (Tú) Vật lý (Văn)	3 2	GDKT và PL (Nga) Toán (Tú)	3 2	Vật lý (Hoà) Địa lý (Chung)	3 2	Ngữ văn (H.Hà) Toán (Tú)	3 2
VH63B8 P.305	Sáng	Sinh hoạt lớp Lịch sử (Dự) Vật lý (Văn)	1 2 2	Ngữ văn (Hùng) Toán (Tú)	3 2	Toán (Tú) GDKT và PL (Quốc)	3 2	Ngữ văn (Hùng) Sinh học (Phượng)	3 2	Toán (Tú) Lịch sử (Dự)	3 2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

Lâm Thị Hương

TỈNH THANH
HÓA